

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LÝ LUẬN VÙNG, VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM

VŨ VĂN PHÚC (*)

Tóm tắt: Phát triển vùng, vùng kinh tế trọng điểm là chủ trương lớn của Đảng, nhằm xác định rõ mô hình phát triển theo không gian lãnh thổ của quốc gia, khai thác tối ưu tiềm năng, thế mạnh của các vùng, ngành, địa phương để tạo ra các động lực tăng trưởng và giá trị mới cho phát triển nhanh, bền vững đất nước. Bài viết tập trung phân tích khái niệm vùng, vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm, từ đó đưa ra một số giải pháp về cơ chế phối hợp hoạt động của các vùng kinh tế trọng điểm trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Kinh tế vùng; vùng kinh tế trọng điểm.

Abstract: Developing regions and key economic regions is a major policy of the Party, aiming to clearly define the development model for the country's territorial space and optimally exploit the potential and strengths of regions, sectors and localities to create new growth and value drivers for rapid and sustainable development of the country. This paper focuses on analyzing the concepts of regions, economic regions and key economic regions, and then offers a number of solutions for coordination of key economic regions in the current period.

Keywords: Regional economy; key economic region.

Ngày nhận bài: 15/01/2024

Ngày biên tập: 29/5/2024

Ngày duyệt đăng: 24/7/2024

1. Những khái niệm về vùng, vùng kinh tế

1.1. Khái niệm vùng, vùng kinh tế

Vùng là một khái niệm phổ biến, tuy nhiên phụ thuộc vào đối tượng nghiên cứu, chiều hướng tiếp cận mà các ngành khoa cụ thể, các nhà nghiên cứu đưa ra các định nghĩa khác nhau. Ngành Địa lý học cho rằng vùng là một đơn nguyên địa lý của bề mặt trái đất; ngành Kinh tế học quan niệm vùng là một đơn nguyên kinh tế tương đối hoàn chỉnh trên phương diện kinh tế; ngành Chính trị học xem vùng là đơn nguyên hành chính thực hiện quản lý hành chính; ngành Xã hội học định nghĩa vùng là khu tụ cư có đặc trưng xã hội tương đồng của một dân tộc nào đó (ngôn ngữ, tôn giáo, dân tộc, văn hóa)...

Có những nghiên cứu khác đưa ra khái niệm vùng như sau: “Vùng là một phần của bề mặt trái đất, nó dựa vào một hoặc nhiều loại tiêu chí

phân biệt với phần lân cận, vùng là một phạm vi xác định nào đó của bề mặt trái đất, vùng là không gian, là một trong các hình thức tồn tại của vật chất”⁽¹⁾, hoặc “Vùng kinh tế là một không gian kinh tế xác định đặc thù của quốc gia, là một tổ hợp kinh tế - lãnh thổ tương đối hoàn chỉnh có chuyên môn hóa kết hợp chặt chẽ với phát triển tổng hợp”⁽²⁾. Như vậy, vùng kinh tế có bốn đặc trưng quan trọng: 1) Tính chuyên môn hóa: đây là đặc tính cơ bản xác định vị trí của vùng trong hệ thống phân công lao động theo lãnh thổ cả nước, khu vực và thế giới; 2) Tính tổng hợp: mối quan hệ ràng buộc lẫn nhau giữa các ngành trong vùng, thể hiện tính đa dạng trong quá trình phát triển nhằm khai thác tối đa lợi thế của vùng; 3) Tính mở: các mối quan hệ kinh tế với bên ngoài vùng. Sự phát triển của vùng không chỉ phụ thuộc rất lớn vào tiềm năng, lợi thế của vùng mà còn phụ thuộc vào nhu cầu từ bên ngoài đối với vùng; 4) Tính động: quá trình hình thành và phát triển Vùng là quá trình phát triển lâu dài nên cơ cấu vùng (hay ngành có lợi thế) chỉ mang tính thời điểm và giai đoạn nhất định. Vì vậy, mọi cách nhìn bất biến đối với vùng sẽ hạn chế sự phát triển vùng.

(*) PGS.TS; Phó Chủ tịch Hội đồng Khoa học các cơ quan Đảng Trung ương

(**) Bài viết trong Kế hoạch tuyên truyền về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở 6 vùng kinh tế - xã hội

Theo Từ điển Địa lý Kinh tế - Xã hội của Alaev thì: “Vùng kinh tế là một bộ phận lãnh thổ nguyên vẹn của nền kinh tế quốc dân cả nước, có những dấu hiệu sau: chuyên môn hóa những chức năng kinh tế quốc dân cơ bản; tính tổng hợp: được hiểu theo nghĩa rộng như là mối quan hệ qua lại giữa các bộ phận cấu thành quan trọng nhất trong cơ cấu kinh tế và cơ cấu lãnh thổ của vùng... coi vùng như là hệ thống toàn vẹn, một đơn vị có tổ chức trong bộ máy quản lý lãnh thổ nền kinh tế quốc dân”⁽³⁾.

Ở Việt Nam, Viện Chiến lược và Phát triển đưa ra quan niệm về vùng kinh tế - xã hội như sau: “Một bộ phận lớn của lãnh thổ quốc gia có các hoạt động kinh tế - xã hội tiêu biểu, thực hiện sự phân công lao động xã hội trên phạm vi cả nước. Đây là loại vùng có quy mô diện tích, dân số lớn nhất, phục vụ việc hoạch định các chiến lược, các kế hoạch phát triển theo lãnh thổ cũng như để quản lý quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên mỗi vùng của đất nước”⁽⁴⁾.

1.2. Khái niệm kinh tế vùng

Kinh tế vùng không chỉ bao gồm các yếu tố tài nguyên tự nhiên đầu tư vào hoạt động của kinh tế địa phương như: khoáng sản, đất đai, rừng, nước, sinh vật... và các tổ chức sản xuất, sử dụng, gia công những tài nguyên này như công xưởng, nông trường, hầm mỏ...; mà còn bao gồm các cơ quan chính quyền, công trình công cộng, các loại xí nghiệp, cư dân gia đình, tư nhân... Những yếu tố này có ảnh hưởng, chi phối và tác động lẫn nhau, cấu thành hệ thống kinh tế không gian mang đặc sắc của địa phương và là một thực thể động. Trong hoạt động kinh tế, đối với nhận thức khảo sát động thái của Vùng tập trung trên ba cơ sở thực tế cơ bản sau: 1) Ưu thế tài nguyên tự nhiên; 2) Kinh tế tập trung; 3) Giá gốc giao thông vận tải và thông tin⁽⁵⁾.

1.3. Khái niệm vùng kinh tế trọng điểm

Đa phần, vùng kinh tế trọng điểm (VKTTĐ) được hiểu là vùng hội tụ đầy đủ nhất những điều kiện thuận lợi để phát triển và có vai trò quyết định đến nền kinh tế quốc gia⁽⁶⁾. Vùng kinh tế trọng điểm có những đặc điểm sau: 1) Ranh giới bao gồm phạm vi nhiều tỉnh, thành phố và ranh giới này có thể thay đổi theo

thời gian tùy thuộc vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; 2) Hội tụ đầy đủ các thế mạnh, tập trung tiềm lực kinh tế hấp dẫn các nhà đầu tư; 3) Có tỷ trọng lớn trong tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của quốc gia tạo ra tốc độ phát triển nhanh cho cả nước và có thể hỗ trợ các vùng khác; 4) Có khả năng thu hút các ngành mới về công nghiệp và dịch vụ, từ đó nhân rộng ra toàn quốc.

Vùng kinh tế trọng điểm là vùng hội tụ tốt nhất các điều kiện để phát triển, có khả năng tạo lợi thế cạnh tranh, làm đầu tàu tăng trưởng để đẩy mạnh quá trình phát triển cho các vùng đó và tiến tới đảm nhận vai trò chi phối tăng trưởng đối với nền kinh tế cả nước⁽⁷⁾.

Vùng kinh tế trọng điểm là một bộ phận của lãnh thổ quốc gia, hội tụ các điều kiện và yếu tố phát triển thuận lợi, có tiềm lực kinh tế lớn, giữ vai trò động lực - đầu tàu cho sự phát triển chung của cả nước; là vùng lãnh thổ nằm trong hệ thống các vùng của một quốc gia, có tính chất và đặc điểm đặc biệt khác với các vùng địa lý khác, có đặc thù riêng về kinh tế và mang tính trọng điểm, dẫn dắt trong hệ thống các vùng. Với vai trò của một vùng lãnh thổ, VKTTĐ của quốc gia là một phạm trù lịch sử, có thể thay đổi theo thời gian. Số lượng và phạm vi lãnh thổ của mỗi VKTTĐ sẽ thay đổi theo yêu cầu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Mô hình vùng kinh tế trọng điểm

Ở những giai đoạn lịch sử cụ thể, tùy thuộc vào điều kiện phát triển và quản lý kinh tế - xã hội, Việt Nam đã có những thay đổi về quy mô các đơn vị hành chính cũng như sự phân định các vùng kinh tế. Về đơn vị hành chính, có thời kỳ cả nước ta chỉ có 38 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thời kỳ cao nhất là 64 (không tính giai đoạn ngay sau ngày 30/4/1975). Về số lượng vùng kinh tế: từ khi đất nước thống nhất đến nay, thời kỳ cao nhất, nước ta có 08 vùng và hiện nay có 06 vùng. Nhìn chung, các vùng kinh tế ở Việt Nam hiện nay mang đậm nét tổ chức theo kiểu hành chính, là phép cộng của các tỉnh, thành phố trong thực hiện thống kê. Về nội hàm kinh tế (sự liên kết, tính ràng buộc, chi phối...) trong vùng hầu như chưa có. Đến nay, cả nước được chia thành 63 tỉnh, thành

phố trực thuộc Trung ương. Hệ thống vùng kinh tế của cả nước được chia thành 06 vùng, bao gồm: Trung du và miền núi phía Bắc (14 tỉnh), Đồng bằng sông Hồng (11 tỉnh, thành phố), Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (14 tỉnh, thành phố), Tây Nguyên (05 tỉnh), Đông Nam Bộ (06 tỉnh), đồng bằng Sông Cửu Long (13 tỉnh, thành phố) và 04 VKTTĐ làm động lực phát triển cho các vùng kinh tế (Bắc Bộ, Trung Bộ, phía Nam và Đồng bằng sông Cửu Long).

Thực tế, việc phân chia theo địa giới hành chính chỉ nhằm phân biệt giữa các tỉnh, thành phố có một số đặc điểm tự nhiên, xã hội tương đồng nhau, về mặt chính sách, chiến lược phát triển cho riêng từng vùng hiện vẫn chưa rõ nét. Bên cạnh sự phân chia vùng theo địa giới hành chính, Việt Nam còn có khá nhiều chính sách và cách phân chia khác đối với các vùng kinh tế - xã hội để có chiến lược, chính sách tập trung đầu tư phát triển. Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng đã nêu: “Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, địa phương; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, thực hiện tốt các chính sách xã hội trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn quyền lợi và nghĩa vụ, cống hiến và hưởng thụ, tạo động lực mạnh mẽ và bền vững hơn cho phát triển kinh tế - xã hội”⁽⁸⁾. Với những ràng buộc và hạn chế về nguồn lực thì việc đảm bảo đồng thời mục tiêu phát triển kinh tế và mục tiêu công bằng xã hội là hết sức khó khăn; bởi vì, để đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất sẽ làm gia tăng các vấn đề về xã hội và ngược lại, đảm bảo tốt các vấn đề xã hội sẽ làm giảm hiệu quả kinh tế.

Chính sách phát triển vùng cũng được Đảng và Nhà nước quan tâm, định hướng từ Đại hội ĐBTQ lần thứ VII và tiếp tục được củng cố trong Đại hội ĐBTQ lần thứ X, đó là: phải có cơ chế, chính sách phù hợp để các vùng trong cả nước cùng phát triển, đồng thời tạo sự liên kết giữa các vùng và nội vùng. Thúc đẩy phát triển các VKTTĐ, tạo động lực, tác động lan tỏa đến các vùng khác; đồng thời tạo điều kiện phát triển nhanh hơn cho các vùng kinh tế đang còn nhiều khó khăn, đặc biệt là các vùng biên giới, hải đảo, Tây Nguyên, Tây

Nam, Tây Bắc. Chính sách lựa chọn đầu tư trọng điểm như vậy là hợp lý trong bối cảnh Việt Nam vẫn đang là nước nghèo, ngân sách hạn hẹp nhằm đạt được hiệu quả về kinh tế trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển và sau đó làm động lực cho các vùng nghèo hơn cùng phát triển.

Từ những lý do trên, mô hình VKTTĐ được ra đời. Có thể nói, VKTTĐ được hình thành trên cơ sở liên kết một số tỉnh, thành phố thuộc một hoặc nhiều vùng kinh tế hội tụ nhiều điều kiện và yếu tố phát triển - kinh tế - xã hội thuận lợi, có tiềm lực kinh tế lớn, giữ vai trò động lực, đầu tàu cho sự phát triển chung của vùng kinh tế và cả nước. Mô hình VKTTĐ có thể được xem là nét đặc thù, sáng tạo của nước ta.

Các VKTTĐ được Đảng và Nhà nước xác định là các vùng động lực làm đầu tàu dẫn dắt sự phát triển của các vùng khác trên cả nước. Hiện nay, nước ta có 24 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nằm ở 04 VKTTĐ, đó là: Bắc Bộ, miền Trung, phía Nam và Đồng bằng sông Cửu Long. Quá trình hình thành và phạm vi lãnh thổ của từng VKTTĐ như sau:

- *Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ*: được thành lập theo Quyết định số 747/TTg ngày 11/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng và các tỉnh Quảng Ninh, Hưng Yên, Hải Dương. Theo Quyết định số 145/2004/QĐ-TTg về “Phương hướng và nhiệm vụ chủ yếu Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020”, VKTTĐ Bắc Bộ được bổ sung thêm tỉnh Vĩnh Phúc và tỉnh Bắc Ninh. Như vậy, VKTTĐ Bắc Bộ bao gồm 07 tỉnh, thành phố là Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là trung tâm đầu não về chính trị, kinh tế, văn hóa và khoa học - công nghệ của cả nước, nơi tập trung các cơ quan Trung ương, các trung tâm điều hành nhiều tổ chức kinh tế lớn, cơ sở đào tạo, nghiên cứu và triển khai khoa học - công nghệ của quốc gia. Đây là vùng hạt nhân, là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế của Vùng Đồng bằng sông Hồng. Trong đó, Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh tạo thành tam giác phát triển của VKTTĐ

Bắc Bộ, từ đó lan tỏa ra các địa phương khác cùng phát triển và liên kết chặt chẽ với nhau trong quá trình thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Vùng Đồng bằng sông Hồng cũng như của cả nước.

- *Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung*: được thành lập theo Quyết định số 1018/1997/QĐ-TTg, bao gồm thành phố Đà Nẵng và các tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi. Sau khi bổ sung thêm tỉnh Bình Định theo Quyết định số 148/2004/QĐ-TTg, VKTTĐ miền Trung bao gồm 05 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là: Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định. Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung nằm ở vị trí chuyển tiếp giữa các vùng phía Bắc và phía Nam của nước ta, là cửa ngõ quan trọng thông ra biển của Vùng Tây Nguyên. Đây được xem là vùng có ý nghĩa chiến lược và điều kiện thuận lợi hình thành hành lang giao lưu kinh tế, thương mại quan trọng, nối khu vực Tây Nguyên và các nước Myanmar, Campuchia và Lào với đường hàng hải quốc tế qua Biển Đông và Thái Bình Dương. Sự phát triển kinh tế của Vùng này sẽ góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khai thác hợp lý các nguồn lực tài nguyên và lao động, giải quyết việc làm, phát triển cơ sở hạ tầng của các vùng: Duyên hải Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

- *Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam*: được thành lập năm 1998, bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu. Đến năm 2009, sau khi bổ sung thêm tỉnh Tiền Giang, VKTTĐ phía Nam gồm 08 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh, Long An và Tiền Giang. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có vị trí địa kinh tế độc đáo, nằm trên các trục giao thông quan trọng của cả nước, quốc tế và khu vực, có nhiều cửa ngõ vào - ra thuận lợi, cả về đường sông, đường sắt, đường biển, đường hàng không. Vùng có vị trí, vai trò chiến lược đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tập trung đủ các điều kiện và lợi thế phát triển các ngành mũi nhọn, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của cả nước. Trong quá trình hình thành và phát triển, VKTTĐ

phía Nam và các VKTTĐ khác đã phát huy lợi thế của Vùng, tạo nên thế mạnh kinh tế theo hướng mở, gắn với nhu cầu thị trường trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo đúng định hướng, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, đặc biệt là hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương lân cận trong Vùng.

- *Vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long*: được thành lập theo Quyết định số 492/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án thành lập VKTTĐ Đồng bằng sông Cửu Long. Theo đó, VKTTĐ đồng bằng sông Cửu Long bao gồm 04 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là An Giang, Kiên Giang, Cần Thơ và Cà Mau. Vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long là trung tâm dẫn đầu cả nước về sản xuất lúa gạo, nuôi trồng, đánh bắt và chế biến thủy sản, đóng góp lớn vào xuất khẩu nông, thủy sản của cả nước. Ngoài ra, VKTTĐ này còn đóng vai trò quan trọng trong chuyển giao công nghệ sinh học, cung cấp giống, các dịch vụ kỹ thuật, chế biến và xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp cho cả Vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

3. Cơ chế phối hợp hoạt động vùng kinh tế trọng điểm

Theo Quyết định số 20/2004/QĐ-TTg về việc thành lập Tổ chức Điều phối phát triển các VKTTĐ và Quyết định số 1022/QĐ-TTg ngày 28/9/2004 về việc thành lập Ban Chỉ đạo Tổ chức Điều phối phát triển các VKTTĐ, Ban Chỉ đạo VKTTĐ có chức năng tổ chức, điều phối phát triển các VKTTĐ ở cấp Trung ương, phối hợp các hoạt động phát triển giữa các ngành, các địa phương nhằm tạo ra sự thống nhất trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện và đồng bộ trong triển khai đầu tư để đạt hiệu quả cao trong phát triển kinh tế - xã hội của các VKTTĐ. Thực tế cho thấy, Ban Chỉ đạo không phải là cấp quản lý, không ra quyết định hành chính mà chỉ có nhiệm vụ giúp Thủ tướng Chính phủ phối hợp với các bộ, ngành, địa phương nhằm phát triển có hiệu quả các VKTTĐ. Với tư cách là cơ quan tư vấn cho Chính phủ nên vai trò, quyền hạn của Ban Chỉ đạo trong việc điều hành bị hạn chế nhất định. Về lý luận, mỗi tỉnh đều bình đẳng và tương đương nhau trong Tổ

chức Điều phối nên giữa các tỉnh trong mỗi vùng vẫn thiếu sự liên kết và hợp tác trong quá trình phát triển.

Vì vậy, để tăng cường sự hợp tác giữa các tỉnh, thành phố trong VKTTĐ, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 159/2007/QĐ-TTg ban hành Quy chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương đối với các VKTTĐ. Đây là khung khổ pháp lý nhằm tăng tính hiệu quả và đồng bộ trong quá trình phát triển vùng. Theo Quyết định này, các bộ, tỉnh, thành phố thuộc VKTTĐ sẽ phải tham gia, phối hợp trong quá trình xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của VKTTĐ; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong vùng; quy hoạch phát triển các lĩnh vực kết cấu hạ tầng, quy hoạch ngành, quy hoạch sản phẩm chủ yếu; huy động vốn đầu tư phát triển và đầu tư phát triển; phát triển đào tạo và sử dụng lao động; rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành thực hiện cơ chế, chính sách tài chính, đầu tư; thiết lập hệ thống thông tin và cung cấp thông tin vùng. Việc phối hợp tốt các vấn đề này sẽ tránh sự chồng chéo, trùng lặp trong phát triển giữa các địa phương trong vùng.

Việc phối hợp phát triển trong các VKTTĐ dựa trên các nguyên tắc sau:

- Tuân thủ chủ trương, đường lối trong Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X, Nghị quyết của Bộ Chính trị và quy định của pháp luật về chủ trương phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh các VKTTĐ⁽⁹⁾.

- Thực hiện phối hợp bảo đảm nguyên tắc đồng thuận giữa các bộ, ngành; giữa các bộ, ngành với các địa phương và giữa các địa phương với nhau trong các VKTTĐ⁽¹⁰⁾.

- Việc chủ trì tổ chức thực hiện công tác phối hợp sẽ được giao cho bộ, ngành, địa phương nào có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn liên quan nhiều nhất đến lĩnh vực hoặc nhiệm vụ cần phối hợp đó.

- Hoạt động phối hợp được thực hiện thông qua hội nghị của các Tổ Thường trực điều phối phát triển các VKTTĐ. Trên cơ sở nội dung chuẩn bị của các bộ, ngành và địa phương soạn thảo, đưa ra các bộ, ngành, địa phương bàn bạc, thảo luận tại các Hội nghị để thỏa thuận và thống nhất⁽¹¹⁾.

- Những vấn đề không đạt được sự đồng thuận của các bộ, ngành và địa phương trong VKTTĐ thì Văn phòng Ban Chỉ đạo tổng hợp ý kiến, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định⁽¹²⁾.

Ghi chú:

(1) Thôi Công Hào, Ngụy Thanh Tuyền, Trần Tôn Hưng (Hàn Ngọc Lương dịch), *Phân tích và quy hoạch vùng*, Nxb Giáo dục Đại học, Trung Quốc, 2002.

(2) Nguyễn Tiến Dũng, *Kinh tế và chính sách phát triển vùng*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, H.2009.

(3) Aleav, *Địa lý Kinh tế - Xã hội, Từ điển thuật ngữ, khái niệm*, Nxb Mátxcơva, 1993.

(4) Viện Chiến lược phát triển, *Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb CTQG-ST, H.2004.

(5) Hufei, E.M, *Lý luận về kinh tế vùng*, Nxb Viễn Đông, 1992, tr.3.

(6) Tuyết Nhi: “Vùng kinh tế trọng điểm (Key economic region) là gì?”, <https://vietnambiz.vn/vung-kinh-te-trong-diem-key-economic-region-la-gi-20191127113142136>.

(7) Nguyễn Thắng Lợi, *Hoạch định phát triển kinh tế - xã hội: Lý luận và thực tiễn ở Việt Nam*, Nxb CTQG-ST, H.2011.

(8) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb CTQG-ST, H.2006, tr.101.

(9), (12) Bùi Đức Hùng (chủ biên) (2018), *Khoa học xã hội với phát triển Vùng Trung Trung bộ trong bối cảnh hiện nay*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

(10) “Đồng bộ hóa sự phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương đối với vùng kinh tế trọng điểm”, <https://moc.gov.vn/en/Pages/Detailnews.aspx?IDNews=9423&tieude=dong-bo-hoa-su-phoi-hop-giua-cac-bo-nganh-dia-phuong-doi-voi-vung-kinh-te-trong-diem.aspx>, ngày 10/2/2007.

(11) “Quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối Vùng Trung du và miền núi phía Bắc”, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Xây dựng chính sách, pháp luật, <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/quy-che-hoat-dong-cua-hoi-dong-dieu-phoi-vung-trung-du-va-mien-nui-phia-bac-119220909170157774.htm>, ngày 09/9/2022.